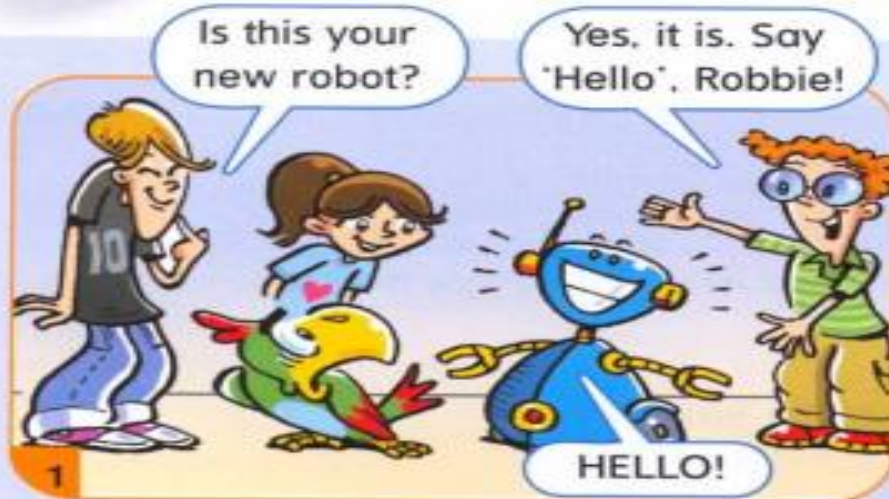


Grammar time 1
Unit 10 Page 56-57



Positive imperative

Say 'Hello'!

Turn left!

Go to the door!

Negative imperative

Don't go to the door!

Don't turn left!

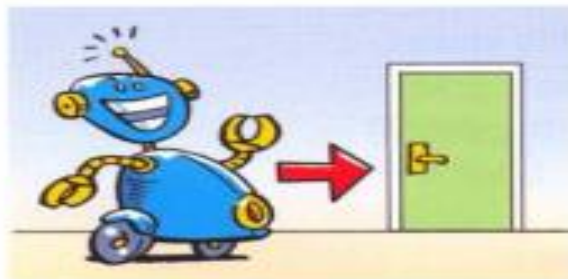


1 Look, choose and write.

stand up go ~~come~~ close open write sit down say



1 ..~~Come~~..... here!



2 to the door!



3 the door!



4 the window!



5



6



7 your name!



8 'Goodbye'!

2 Put the words in the correct order.

- 1 window / the / to / Go ! *Go to the window!*
.....
- 2 book / your / Read !
.....
- 3 two / Write / names !
.....
- 4 on / Sit / chair / the !
.....
- 5 your / Drink / milk !
.....
- 6 your / Eat / spinach !
.....

Câu mệnh lệnh (Imperative Sentences).

- Dùng để ra lệnh, yêu cầu hoặc đưa ra hướng dẫn.
- Chủ ngữ thường được lược bỏ, ngầm hiểu là "you".

Có 2 loại câu mệnh lệnh chính:

- **Mệnh lệnh khẳng định (Positive Imperative)** – dùng để yêu cầu ai đó làm gì.
 - **Go to the door!** (*Đi tới cửa!*)
 - **Turn left!** (*Rẽ trái!*)
 - **Say "Hello"!** (*Nói "Hello" đi!*)
- **Mệnh lệnh phủ định (Negative Imperative)** – dùng để yêu cầu ai đó không làm gì.
 - Cấu trúc: **Don't + động từ nguyên mẫu**
 - **Don't go to the door!** (*Đừng đi tới cửa!*)
 - **Don't turn left!** (*Đừng rẽ trái!*)